

Số: 39/2025/NQ-HĐND

Thành phố Huế, ngày 08 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 17508/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc hộ tịch theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp lệ phí.

Điều 2. Các trường hợp miễn lệ phí

1. Đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trừ trường hợp có yếu tố nước ngoài.

2. Đăng ký hộ tịch cho người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Điều 3. Mức thu lệ phí hộ tịch

STT	Nội dung đăng ký hộ tịch	Mức thu (Đơn vị tính: đồng/ trường hợp)
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	6.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	6.000
3	Đăng ký lại kết hôn	30.000
4	Đăng ký nhận, cha, mẹ, con	15.000
5	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	12.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	12.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	6.000
8	Đăng ký hộ tịch khác đối với công dân Việt Nam cư trú trong nước	6.000
9	Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân có yếu tố nước ngoài	70.000
10	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	70.000
11	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1.400.000
12	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	50.000

13	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.500.000
14	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	30.000
15	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
16	Đăng ký hộ tịch khác có yếu tố nước ngoài	50.000

Điều 4. Việc nộp lệ phí hộ tịch

Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố, UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố, Cổng TTĐT thành phố;
- VP: LĐ và CV;
- Lưu: VT, DN3.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu